

QUYẾT ĐỊNH

Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Gia Lai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Thông tư số 85/2020/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 806/SNNPTNT-CCTL ngày 10 tháng 3 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Gia Lai và trách nhiệm triển khai thực hiện của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan đến hoạt động phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi

1. Chi hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai:

a) Sơ tán người dân khỏi nơi nguy hiểm, chăm sóc y tế, thực phẩm, nước uống cho người dân nơi sơ tán cụ thể: Mức hỗ trợ theo chi phí thực tế triển khai, tối đa 100.000 đồng/người/ngày nhân với số ngày thực tế được sơ tán.

b) Tuần tra, kiểm tra phát hiện khu vực có nguy cơ xảy ra rủi ro thiên tai, sự cố công trình phòng, chống thiên tai:

Người không hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước: Mức hỗ trợ 119.200 đồng/người/ngày (trường hợp được huy động vào ban đêm từ 22h giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau mức hỗ trợ gấp đôi).

Người hưởng lương từ Ngân sách Nhà nước: Mức chi theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư 85/2020/TT-BTC ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Ban chỉ đạo Trung ương về phòng chống thiên tai và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp.

c) Hỗ trợ cho lực lượng được huy động tham gia ứng phó thiên tai: Mức hỗ trợ như quy định tại điểm b khoản này.

d) Hỗ trợ cho lực lượng thường trực trực ban, chỉ huy, chỉ đạo ứng phó thiên tai: Mức chi theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư 85/2020/TT-BTC.

2. Chi cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai:

a) Cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh, sách vở, phương tiện học tập và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai:

Cứu trợ khẩn cấp về lương thực để trợ giúp thành viên trong các hộ gia đình thiếu đói trong các đợt thiên tai: 15kg gạo/người/tháng trong thời gian không quá 03 tháng cho mỗi đợt thiên tai.

Cứu trợ khẩn cấp về nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, tối đa 300.000 đồng/người/đợt thiên tai.

Chi hỗ trợ sách vở, phương tiện học tập cho học sinh: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp, tối đa 200.000 đồng/học sinh/đợt thiên tai.

b) Hỗ trợ tu sửa nhà ở, cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai:

Hỗ trợ tu sửa nhà ở: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn có nhà chính bị thiệt hại theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông

tư liên tịch số 43/2015/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 23/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thống kê, đánh giá thiệt hại do thiên tai gây ra: Tối thiểu 20.000.000 đồng/hộ; các đối tượng hộ gia đình khác hưởng 50% mức quy định này.

Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, tu sửa nhà kết hợp làm địa điểm sơ tán phòng tránh thiên tai: Tối đa 50.000.000 đồng trong tổng mức đầu tư công trình được tu sửa.

Hỗ trợ xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp tối đa 10.000.000 đồng/xã, phường, thị trấn bị ảnh hưởng.

c) Hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh.

d) Tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai: Mức hỗ trợ tối đa 01 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 lần tháo bỏ.

đ) Hỗ trợ xử lý đảm bảo giao thông thông suốt cho những đoạn tuyến giao thông đường bộ quan trọng trên địa bàn bị sụt trượt, sạt lở (các công trình giao thông không nằm trong các Kế hoạch bảo trì đường bộ theo quy định của Thông tư 37/2018/TT-BGTVT ngày 07/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình về đường bộ): các vị trí trên tuyến đường giao thông không thể lưu thông hoàn toàn do bị sụt trượt, sạt lở; các vị trí trên các tuyến đường giao thông bị ách tắc quá 24 giờ liên tục do ảnh hưởng của thiên tai trong các tuyến đường độc đạo, đường liên xã trở lên.

Mức hỗ trợ tối đa 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

e) Hỗ trợ kinh phí tu sửa, xử lý và xây dựng khẩn cấp công trình phòng, chống thiên tai: Mức hỗ trợ tối đa 03 tỷ đồng trong tổng mức đầu tư 01 công trình.

3. Chi hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa:

a) Thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống thiên tai: Mức chi theo quy định tại Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở; Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất Chương trình truyền hình; Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí (gồm báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử) xuất bản phẩm khi tham gia thực hiện tuyên truyền; Nghị quyết số 123/2014/NQ-HĐND

ngày 11/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định mức chi đối với một số nội dung chi có tính chất đặc thù thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

b) Lập, rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai và phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

c) Phổ biến, tuyên truyền, giáo dục, tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng, chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng, hỗ trợ tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã, tình nguyện viên phòng, chống thiên tai: Mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 75/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai và theo hóa đơn, chứng từ chi hợp pháp.

d) Diễn tập phòng, chống thiên tai ở các cấp: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

đ) Mua bảo hiểm rủi ro thiên tai cho đối tượng tham gia lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã: Mức chi theo quy định tại Điều 34, Điều 35 Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều.

e) Hỗ trợ xây dựng công cụ, phần mềm, quan trắc, thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai tại cộng đồng: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

g) Mua sắm, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng, chống thiên tai (quy định tại Quyết định số 20/2021/QĐ-TTg ngày 03/6/2021 của Chính phủ ban hành Danh mục và quy định việc quản lý, sử dụng vật tư, phương tiện, trang thiết bị chuyên dùng phòng, chống thiên tai): Mức chi theo hóa đơn, chứng từ chi thực tế hợp pháp và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

4. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Điều này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 4 năm 2022.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;

Trưởng ban Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Gia Lai;
 Chủ tịch Hội đồng quản lý, Trưởng ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ phòng, chống
 thiên tai tỉnh Gia Lai và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi
 hành Quyết định này./.

Nơi nhận: Hà.

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Ban chỉ đạo Trung ương về PCTT (b/c);
- Vụ pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh văn phòng, các Phó chánh văn phòng
UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Tin học – Văn phòng UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh Gia Lai;
- Lưu: VT, KTTH, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Kpă Thuyên